

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4118 /QĐ-ĐT, ngày 30 tháng 11 năm 2012  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo:

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Công tác xã hội
  - + Tiếng Anh: Social work
- Mã số ngành đào tạo: 52760101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Công tác xã hội
  - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Social work
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội có mục tiêu chung là đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức rộng về các vấn đề xã hội, có các kỹ năng can thiệp, giải quyết các vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng và toàn xã hội.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có năng lực tư vấn xây dựng các chính sách xã hội đáp ứng các nhu cầu phát triển của đất nước. Đồng thời, cử nhân Công tác xã hội được đào tạo có đầy đủ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội để thực hành nghề nghiệp trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chính trị, nghề nghiệp và tổ chức có yếu tố nước ngoài góp phần xây dựng Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, hội nhập và văn minh.

### 3. Thông tin tuyển sinh

Tuyển sinh trong các đợt thi tuyển sinh đại học cấp quốc gia, thí sinh có thể dự thi theo các khối A (Toán, Lí, Hoá), C (Văn, Sử, Địa), D (Văn, Toán, Ngoại ngữ).

## PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Về kiến thức

#### 1.1. Hiểu biết và kiến thức cơ sở chung

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam.

- Có kiến thức và kỹ năng cơ bản để giao tiếp tốt bằng một trong bốn ngoại ngữ quan trọng được ĐHQGHN quy định và tổ chức giảng dạy (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung).

- Nhận thức tốt về tầm quan trọng của các kiến thức quân sự, thể dục cũng như có các năng lực cơ bản theo yêu cầu huấn luyện của các lĩnh vực này.

### ***1.2. Hiểu biết chung về các lĩnh vực văn hoá, chính trị, kinh tế, xã hội***

- Có kiến thức rộng về văn hoá đại cương, về lịch sử của các nền văn minh trên thế giới.

- Nắm vững các kiến thức về Nhà nước và pháp luật đại cương; Có hiểu biết cơ bản về tổ chức của Nhà nước Việt Nam hiện nay, về sự phân chia các ngành luật và một số vấn đề quan trọng nhất của Pháp luật.

- Nắm vững kiến thức về logic học, về các vấn đề môi trường hiện nay gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

- Nắm vững các phương pháp thống kê cơ bản, ứng dụng vào việc thu thập và xử lý các thông tin khoa học xã hội.

- Có kiến thức nhập môn về kinh tế học.

### ***1.3. Nắm vững kiến thức cơ bản của các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn***

- Bước đầu nắm được kiến thức cơ bản liên ngành của các ngành gần như Nhân học đại cương, Dân số học, Tâm lý học xã hội đại cương, Xã hội học, Lịch sử văn hoá Việt Nam.

- Nắm vững các phương pháp nghiên cứu cơ bản của các khoa học thuộc khối ngành, ứng dụng vào việc thu thập và xử lý các thông tin thu thập được (định lượng và định tính) bằng các phần mềm máy tính thịnh hành nhất.

### ***1.4. Kiến thức chung của nhóm ngành***

- Nắm vững các kiến thức và phương pháp nghiên cứu cơ bản của các khoa học thuộc nhóm ngành (Xã hội học, Công tác xã hội, Nhân học, Tâm lý học).

- Có kiến thức cơ bản về khoa học phân tích hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.

- Nắm vững các kiến thức về truyền thông và dư luận xã hội.

- Có kiến thức cơ bản về tâm lý học phát triển và tôn giáo đại cương.

### ***1.5. Kiến thức và hiểu biết cơ bản về ngành***

- Nắm vững lịch sử hình thành và các lí thuyết kinh điển trong Công tác xã hội: lí thuyết nhu cầu, lí thuyết nhận thức - hành vi, lí thuyết sinh thái, lí thuyết phân tâm...

- Hiểu được tổng nhu cầu và đặc điểm về các nhóm nhu cầu chính trong Công tác xã hội trong bối cảnh Việt Nam hiện nay: số lượng người cần giúp đỡ, bảo trợ, bảo hiểm, an sinh, trợ cấp, trợ giúp, cứu trợ...

- Nắm vững kiến thức cơ bản về các cấp độ can thiệp xã hội: cá nhân, nhóm, cộng đồng và chính sách.

- Nắm vững và ứng dụng các phương pháp định tính và định lượng trong nghiên cứu cơ bản cũng như nghiên cứu can thiệp của Công tác xã hội.

- Có kiến thức nền tảng về các lĩnh vực ứng dụng quan trọng nhất thuộc ngành Công tác xã hội: sức khoẻ tâm thần, người khuyết tật, phụ nữ yếu thế, trẻ em, thanh thiếu niên yếu thế, tiếp cận dịch vụ y tế, người có công, nạn nhân chiến tranh, cộng đồng nghèo, khu ổ chuột, tội phạm, ma tuý, hành vi lệch chuẩn, lệch lạc xã hội...

## **2. Về kĩ năng**

### **2.1. Kĩ năng cứng**

#### *2.1.1. Kĩ năng năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Công tác xã hội*

- Biết phát hiện và phân tích một vấn đề xã hội cụ thể cần can thiệp, nhận diện đa chiều một đối tượng xã hội yếu thế.

- Có khả năng giải thích một vấn đề xã hội cơ bản ở cấp độ vi mô: cá nhân, nhóm, cộng đồng và một chính sách xã hội cụ thể.

- Biết đề xuất một kế hoạch can thiệp mang tính khoa học và chuyên nghiệp nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các đối tượng yếu thế (chữa trị, tham vấn, tư vấn,...).

- Vận dụng tốt kiến thức Công tác xã hội để tiếp cận các đối tượng xã hội yếu thế khác nhau.

- Biết khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết một vấn đề xã hội.

- Biết biện hộ để bảo vệ quyền lợi cho các đối tượng xã hội.

- Biết vận động, đề xuất, tham gia xây dựng chính sách xã hội đối với các đối tượng yếu thế.

#### *2.1.2. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*

- Biết phát hiện một vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng hay cấp độ chính sách cụ thể để từ đó thiết kế một đề cương nghiên cứu cơ bản hoặc ứng dụng (can thiệp) trong Công tác xã hội và tiến hành nghiên cứu trong phạm vi ấy.

- Biết viết tổng quan về vấn đề nghiên cứu ở tầm vi mô, xác định mục tiêu, lựa chọn đối tượng nghiên cứu hoặc can thiệp, biết đặt câu hỏi nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu can thiệp, biết trình bày khung nghiên cứu cơ bản hoặc khung nghiên cứu can thiệp.

- Biết kết nối các nguồn lực để thực hiện nghiên cứu.

- Biết thao tác hoá một số thuật ngữ, khái niệm, ứng dụng lí thuyết, phân tích, giải thích và biết sử dụng các phát hiện từ nghiên cứu trường hợp để viết báo cáo khoa học (báo cáo thực tập, niên luận và khoá luận). Đặc biệt, biết sử dụng thành thạo các kĩ năng nghiên cứu can thiệp, đặc thù của ngành CTXH.

- Biết trình bày kết quả nghiên cứu hay một kế hoạch can thiệp theo đúng các chuẩn mực quốc tế.

- Biết sử dụng các công nghệ thông tin hỗ trợ trong trình bày kết quả nghiên cứu.

- Biết tìm các nguồn tư liệu có chất lượng phục vụ nghiên cứu: tác giả, tác phẩm, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và địa điểm của tư liệu cần thiết cho nghiên cứu.

- Biết thiết kế các loại đề cương nghiên cứu chính trong Công tác xã hội: nghiên cứu khám phá, nghiên cứu mô tả, nghiên cứu giải thích và nghiên cứu can thiệp.

- Biết xây dựng mục tiêu nghiên cứu, đối tượng, lựa chọn khách thể, đặt câu hỏi nghiên cứu, biết trình bày các loại giả thuyết, xây dựng khung lí thuyết nghiên cứu cơ bản và xây dựng kế hoạch can thiệp.

- Biết sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính trong Công tác xã hội: xây dựng bộ công cụ để nghiên cứu thực nghiệm, phân tích tài liệu (sơ cấp, thứ cấp), phương pháp chọn mẫu, trung cầu ý kiến, phỏng vấn với bảng hỏi cấu trúc, bảng hỏi bán cấu trúc, điều tra thử, phỏng vấn sâu, quan sát, lựa chọn địa bàn và biết viết lịch sử vấn đề nghiên cứu.

### *2.1.3. Khả năng tư duy theo hệ thống*

- Nắm vững logic trình tự (các bước cơ bản nhất) của một nghiên cứu Công tác xã hội cấp độ cá nhân, nhóm và cộng đồng.

- Có năng lực tư duy và phân tích một vấn đề của cá nhân, nhóm, cộng đồng hay một chính sách xã hội cụ thể từ nhiều góc độ khác nhau theo phương pháp tiếp cận chuyên ngành và liên ngành.

- Nắm vững các phương pháp tiếp cận cơ bản như: phương pháp tiếp cận theo phát triển bền vững, phương pháp tiếp cận theo quan điểm lịch đại, phương pháp tiếp cận theo quan điểm đồng đại... trong quá trình phân tích và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực CTXH.

#### *2.1.4. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn*

- Biết vận dụng kiến thức và kỹ năng Công tác xã hội để chữa trị và phục hồi các chức năng xã hội cho các đối tượng yếu thế ở Việt Nam.

- Biết vận dụng kiến thức và kỹ năng Công tác xã hội để phòng ngừa các yếu tố nguy cơ về tệ nạn xã hội, lệch lạc xã hội...

- Biết vận dụng kiến thức và kỹ năng Công tác xã hội để kết nối và phát huy các nguồn lực nhằm phát triển con người, quản lý xã hội một cách hài hoà ở cấp độ cá nhân, tổ chức và xã hội.

- Biết vận dụng kiến thức và kỹ năng Công tác xã hội trong việc tư vấn và phản biện các chính sách xã hội.

- Có năng lực sáng tạo, phát triển và thích ứng cao với môi trường nghề nghiệp luôn luôn biến đổi.

- Những cử nhân tốt nghiệp Công tác xã hội từ loại giỏi trở lên có năng lực tạo dựng một số hoạt động mới trong điều kiện thay đổi nhanh chóng của môi trường việc làm, ví dụ tạo lập một tổ chức phi chính phủ, một doanh nghiệp xã hội...

## **2.2. Về kỹ năng bổ trợ khác**

### *2.2.1. Kỹ năng làm việc theo nhóm*

- Biết xây dựng và thực hiện tinh thần làm việc theo ê-kíp.
- Biết truyền thông trong nhóm, giữa nhóm thuộc tính và tổ chức.
- Biết xử lý một xung đột nhóm.

### *2.2.2. Quản lý và lãnh đạo*

- Bước đầu biết xây dựng chiến lược cho một tổ chức nhỏ (10 – 25 người).
- Biết điều phối quyền lợi, phân công trách nhiệm và tổ chức công việc cho một tổ chức nhỏ.
- Biết nêu và giải quyết vấn đề của một tổ chức nhỏ.

### *2.2.3. Kỹ năng giao tiếp*

- Biết lắng nghe.

- Biết diễn thuyết trước một đám đông.
- Biết đọc nhanh và tổng hợp được các loại hình văn bản.
- Biết viết báo cáo tổng hợp cho một tổ chức nhỏ.
- Thành thạo các hình thức giao tiếp (lời nói, văn bản, mạng internet...) với các đối tượng xã hội khác nhau.

#### *2.2.4. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Có kiến thức và kỹ năng sử dụng một trong 4 ngoại ngữ theo chương trình chuẩn của ĐHQGHN.
- Nghe và hiểu được các bản tin thông thường trên các phương tiện thông tin đại chúng của nước mà mình học tiếng của họ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung).
- Nói được bằng ngoại ngữ về những chủ đề thường thức.
- Đọc và tóm tắt được một số tài liệu thường thức về một chủ đề của cuộc sống.
- Viết được một bài luận (20 – 30 trang), một bản báo cáo hoặc tóm tắt một chuyên công tác, một cuộc họp.

#### *2.2.5. Các kỹ năng mềm khác*

- Theo quy định về đào tạo kỹ năng mềm của ĐHQGHN.
- Biết sử dụng các phần mềm máy tính cơ bản: word, excel, spss.
- Biết làm chủ vị trí lao động của bản thân trong môi liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với các vị trí lao động khác.
- Biết nhiều cách để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Biết học tập từ đồng nghiệp và tự học thêm để hoàn thiện bản thân

### **3. Về phẩm chất đạo đức**

#### ***3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân***

- Trách nhiệm, đoàn kết, trung thành, tận tụy, có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác trong công việc, trung thực, thẳng thắn, tôn trọng mọi người, phê bình và tự phê bình đúng lúc, đúng chỗ, không bè phái, không xu nịnh...

#### ***3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp***

- Tuân thủ các quy điều đạo đức nghề nghiệp của một nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung, và nhà nghiên cứu và thực hành Công tác xã hội nói riêng.

### 3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

- Tôn trọng và phát huy hệ giá trị của xã hội Việt Nam cũng như các tinh hoa văn hoá của nhân loại.

### 4. Những vị trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Khu vực làm việc: Làm việc tại các cơ sở quản lý Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Viên nghiên cứu, trường đại học, các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các công ty.

- Cung ứng dịch vụ công tác xã hội tại các cơ sở và tổ chức xã hội (các cơ sở, cơ quan, tổ chức công và tư).

- Làm công tác xã hội chuyên nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau như: sức khoẻ, giáo dục, pháp luật, kinh tế, truyền thông, xã hội, văn hoá, môi trường ... Làm việc trực tiếp tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo có liên quan đến công tác xã hội.

- Chức danh có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp (tùy thuộc vào vị trí công tác: giảng viên, nghiên cứu viên, Công chức, nhân viên xã hội, công tác xã hội viên).

## PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

**Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 135 tín chỉ, trong đó:**

*(Không tính các môn học GDTC và GDQP-AN, kỹ năng mềm)*

- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:	27 tín chỉ
- Khối kiến thức chung lĩnh vực	23 tín chỉ
+ Bắt buộc	17 tín chỉ
+ Tự chọn	6/8 tín chỉ
- Khối kiến thức chung của khối ngành	17 tín chỉ
+ Bắt buộc	12 tín chỉ
+ Tự chọn	5/15 tín chỉ
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành	13 tín chỉ
+ Bắt buộc	9 tín chỉ
+ Tự chọn	4/6 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ	42 tín chỉ

+ *Bắt buộc*

32 *tín chỉ*

+ *Tự chọn*

10/25 *Tín chỉ*

- **Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp**

**13 *tín chỉ***

## 2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN</b> ( <i>Không tính các môn học từ số 9 đến số 11</i> )	<b>27</b>				
1	PHI1004	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405	Ngoại ngữ A1 Tiếng Anh A1 Tiếng Nga A1 Tiếng Pháp A1 Tiếng Trung A1	4	16	40	4	
7	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406	Ngoại ngữ A2 Tiếng Anh A2 Tiếng Nga A2 Tiếng Pháp A2 Tiếng Trung A2	5	20	50	5	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405
8	FLF1107 FLF1207 FLF1307 FLF1407	Ngoại ngữ B1 Tiếng Anh B1 Tiếng Nga B1 Tiếng Pháp B1 Tiếng Trung B1	5	20	50	5	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				
11		Kĩ năng mềm	3				
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức chung theo lĩnh vực</b>	<b>23</b>				
<b>II.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>17</b>				
12	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	42	3		
13	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	33	12		
14	PSY1050	Tâm lí học đại cương	2	30			



Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
15	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	10		
16	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
17	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1004
18	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	28	2		
<b>II.2</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>6/8</b>				
19	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	8	2	
20	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	20	8	2	
21	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	18	6	6	
22	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	10	10	10	
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức chung của khối ngành</b>	<b>17</b>				
<b>III.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>12</b>				
23	SOW1100	Công tác xã hội đại cương	3	39	6		
24	ANT1100	Nhân học đại cương	3	39	6		
25	PHI1101	Tôn giáo học đại cương	3	39	6		
26	PSY2023	Tâm lí học xã hội	3	30	15		
<b>III.2</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>5/15</b>				
27	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	39	6		
28	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	42	3		
29	PSY1100	Tâm lí học giao tiếp	2	30			
30	SOW2003	Gia đình học	2	26	4		
31	SOW1101	Dân số học đại cương	3	39	6		
32	SOC1100	Sử dụng phần mềm xử lí số liệu	2	22	8		
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức chung của nhóm ngành</b>	<b>13</b>				
<b>IV.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>9</b>				
33	PSY1150	Tâm lí học phát triển	3	30	15		PSY1050
34	SOW2004	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	39	6		SOW1100
35	SOC3006	Xã hội học truyền thống đại chúng và dư luận xã hội	3	39	6		SOC1050
<b>IV.2</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>4/6</b>				
36	SOC3024	Chính sách xã hội	2	26	4		SOC1050
37	SOC3020	Xã hội học tôn giáo	2	26	4		SOC1050
38	PSY1151	Tâm lí học sức khỏe	2	30			PSY1050

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
V		<b>Khối kiến thức ngành và bổ trợ</b>	<b>42</b>				
V.1		<b>Bắt buộc</b>	<b>32</b>				
39	SOW3032	Lí thuyết công tác xã hội	3	39	6		SOW1100
40	SOW3033	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội	3	39	6		SOW1100
41	SOW3034	Công tác xã hội với cá nhân	3	39	6		SOW1100
42	SOW3035	Công tác xã hội với nhóm	3	39	6		SOW1100
43	SOW3036	Tham vấn trong công tác xã hội	3	37	8		SOW1100
44	SOW3037	Thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm	4	8	52		SOW3034 SOW3035
45	SOW3038	Thực hành công tác xã hội phát triển cộng đồng	3	39	6		SOW1102
46	SOW3039	An sinh xã hội	3	39	6		SOW1100
47	SOW3040	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV	3	39	6		SOW1100
48	SOW3041	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	26	4		SOW1100
49	SOW3042	Đạo đức nghề nghiệp	2	26	4		SOW1100
V.2		<b>Tự chọn</b>	<b>10/25</b>				
50	SOW3043	Công tác xã hội với trẻ em	3	39	6		SOW1100
51	SOW3044	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	3	39	6		SOW1100
52	SOW3045	Công tác xã hội với người nghèo	3	39	6		SOW1100
53	SOW3046	Quản trị ngành công tác xã hội	3	39	6		SOW1100
54	SOW3022	Công tác xã hội trong trường học	2	26	4		SOW1100
55	SOW3047	Công tác xã hội trong bệnh viện	3	39	6		SOW1100
56	SOW3019	Công tác xã hội với người cao tuổi	2	26	4		SOW1100
57	SOW3020	Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn	2	26	4		SOW1100
58	SOW3048	Công tác xã hội trong lĩnh vực Bình đẳng giới và Phòng chống bạo lực gia đình	2	26	4		SOW1100
59	SOW3049	Quản lí ca	2	26	4		SOW1100
VI		<b>Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>	<b>13</b>				
60	SOW4054	Thực tập chuyên ngành	3	3	42		SOW1100
61	SOW4051	Thực tập tốt nghiệp	5	5	70		SOW3037

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
							SOW3038
62	SOW4052	Khóa luận tốt nghiệp	5				
		<i>Các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>	5				
63	SOW4055	Thiết kế nghiên cứu trong công tác xã hội	2	26	4		SOW1100
64	SOW4056	Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	3	39	6		SOW1100
		<b>Tổng cộng</b>	<b>135</b>				